TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2023/KDTM-ST Ngày: 21-9-2023 V/v: tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Trường

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Kim Cúc

2. Ông Lê Quang Bảo

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2023/TLST-KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2023/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Tòa tháp B, số 194 T, phường L, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, Chức vụ - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Thanh T, Chức vụ - Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, Chi nhánh Nam Định. (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 963/QĐ-B ngày 25-10-2021 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Đ).

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đỗ Anh T, Chức vụ - Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, Chi nhánh Nam Định. (theo Quyết định ủy quyền

tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự số 1945/B-QLNB, ngày 28-12-2022 của Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Nam Định).

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn L.

Địa chỉ trụ sở: Thị trấn C, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T, Chức vụ - Giám đốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1977; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn Phú An, thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1982; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn P, thị trấn C, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa ông Đỗ Anh T, ông Trần Văn T có mặt; bà Nguyễn Thị X vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-6-2023, bản tự khai ngày 18-7-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn (Ngân hàng thương mại cổ phần Đ) là ông Đỗ Anh T trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn L (sau đây gọi là Công ty TNHH L) là khách hàng có quan hệ tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi là Ngân hàng B) chi nhánh Nam Định từ tháng 01-2008. Trong quan hệ tín dụng, Công ty TNHH L và B, chi nhánh Nam Định đã ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/08/HĐ ngày 01-02-2008, Hợp đồng có các nội dung cơ bản như sau: Về hạn mức tín dụng: Ngân hàng B, chi nhánh Nam Định cấp cho Công ty TNHH L khoản cấp tín dụng với giới hạn cấp tín dụng là: 4.100.000.000 đồng (bốn tỷ một trăm triệu đồng); mục đích vay: đầu tư mua tàu biển; thời hạn vay 54 tháng, từ ngày 04-02-2008, trong đó thời gian trả nợ 54 tháng; lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất tại thời điểm cho vay đầu tiên là 12,6%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Hợp đồng tín dụng được sửa đổi bổ sung 4 lần về lãi suất.

- Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ nhất số: 03/2008/BBSĐ ngày 05-3-2008. Lãi suất trong hạn 1,40%/tháng.

- Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ hai số: 04/2008/BBSĐ ngày 03-6-2008. Lãi suất trong hạn 18%/năm.

- Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ ba ngày 20-6-2008. Lãi suất thả nổi theo thông báo của Giám đốc Ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong hạn 21%/năm.

- Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ tư ngày 01-8-2008. Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi 03 tháng điều chỉnh một lần theo thông báo của Giám đốc Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên Công ty TNHH Lđã thực hiện thế chấp các tài sản gồm:

- Tài sản bảo đảm thứ nhất hình thành từ vốn vay là tàu biển Hùng Thái 09 (tàu Long Thành 09) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2008/HĐ, ngày 01-02-2008, được công chứng tại Văn Phòng công chứng số 1 tỉnh Nam Định ngày 01-02-2008, số công chứng 104, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, giá trị thẩm định tài sản bảo đảm thời điểm thế chấp là 6.100.000.000 đồng, nghĩa vụ được bảo đảm: Nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH L với dư nợ gốc 4.100.000.000 đồng và tiền lãi, các chi phí phát sinh.

- Tài sản bảo đảm thứ hai: Hợp đồng thế chấp ngày 01-02-2008, tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 315, tờ bản đồ số 27, diện tích 110 m^2 và toàn bộ tài sản trên đất là nhà bê tông 1 tầng diện tích 70 m^2, kết cấu tường bê tông + gác xép diện tích 20 m^2, tổng diện tích sử dụng 90 m^2 tại địa chỉ: Xóm L, thị trấn C, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 897875 mang tên ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị X. Hợp đồng được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cát Thành ngày 02-02-2008 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định vào ngày 04-02-2008, giá trị thẩm định tài sản bảo đảm thời điểm thế chấp là 120.000.000 đồng, nghĩa vụ được bảo đảm: Nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH L với dư nợ gốc và tiền lãi, các chi phí phát sinh.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng Ngân hàng B chi nhánh Nam Định đã giải ngân số tiền tổng cộng là 4.100.000.000 đồng vào các ngày 04-02-2008 giải ngân số tiền 2.000.000.000 đồng; ngày 05-03-2008 giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 03-6-2023 giải ngân số tiền 1.100.000.000 đồng.

Kể từ thời điểm vay vốn đến tháng 7-2009, Công ty TNHH L đã thực hiện trả tiền theo đúng cam kết được số tiền gốc là 425.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn đã trả là 473.633.334 đồng, tiền lãi quá hạn đã trả là 1.633.333 đồng, tổng cộng tiền lãi đã trả là 475.266.667 đồng. Từ tháng 07-2009 Công ty TNHH L có biểu hiện chây ỳ, trốn tránh và không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng B chi nhánh Nam Định đã nhờ các cơ quan hữu quan tìm kiếm tài sản hình thành từ vốn vay tàu Hùng Thái 09 (Long Thành 09) để xử lý thu hồi nợ. Tháng 5-2010, xác định tàu Hùng Thái 09 (Long Thành 09) neo đậu tại Vũng Đục – Cẩm Phả - Quảng Ninh, Ngân hàng B chi nhánh Nam Định đã yêu cầu Công ty TNHH L bàn giao tài sản cho ngân hàng để phát mại thu hồi nợ. Tháng 12-2010, Ngân hàng B chi nhánh Nam Định đã phát mại thành công tàu TNHH H 09 (Long Thành 09) tại Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Nam Định, sau khi trừ các chi phí thu được số tiền là: 1.630.005.818 đồng để trừ vào số nợ gốc của Công ty TNHH L. Tổng cộng Công ty TNHH L đã trả nợ gốc là: 2.055.005.818 đồng.

Tại thời điểm hiện tại: Lãi suất trong hạn là 10,50%; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Hiện tại quan điểm của Ngân hàng B đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Nam Định buộc Công ty TNHH L phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ tính đến ngày 21-9-2023 bao gồm: Nợ gốc là 2.044.994.182 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.778.298.045 đồng, lãi quá hạn là 1.313.641.569 đồng. Tổng cộng là 7.136.933.796 đồng.

Đồng thời, buộc Công ty TNHH L phải trả lãi, lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 21-9-2023 cho đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp Công ty TNHH L không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị X theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 01-02-2008 được ký kết giữa ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị X và Ngân hàng B chi nhánh Nam Định. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản sẽ dùng để thanh toán toàn bộ chi phí bảo quản, xử lý tài sản thế chấp, chi phí thẩm định tại chỗ và các chi phí khác có liên quan đến xử lý tài sản; thanh toán nợ gốc, lãi vay, lãi phạt, phí phát sinh cho đến ngày thi hành án xong cho Ngân hàng.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản (tài sản bảo đảm cho khoản vay) không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH L phải dùng các tài sản hợp pháp khác của mình để thanh toán số tiền vay còn lại sau khi đã phát mại tài sản bảo đảm.

Về biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18-8-2023 Ngân hàng B chi nhánh Nam Định không có ý kiến gì, về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ B chi nhánh Nam Định đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 17-7-2023 trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Công ty trách nhiệm hữu hạn L) đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn T trình bày:

Công ty TNHH L được thành lập tháng 10-2007, Công ty có trụ sở tại thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, nghành nghề chính của công ty là kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ, đương sông hồ và đường biển, nuôi trồng, chế biến thủy hải sản, mua bán chế biến than mỏ.

Giữa Công ty TNHH Lvà Ngân hàng B chi nhánh Nam Định đã ký một Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/08/HĐ vào ngày 01-02-2008, có sửa đổi bổ sung 4 lần về lãi suất. Hợp đồng có các nội dung cơ bản như sau: Bên vay là Công ty TNHH L, bên cho vay là Ngân hàng B, chi nhánh Nam Nam Định; về hạn mức tín dụng: Ngân hàng B, chi nhánh Nam Định cấp cho Công ty TNHH L khoản cấp tín dụng với giới hạn cấp tín dụng là: 4.100.000.000 đồng; mục đích vay: đầu tư mua tàu biển; thời hạn vay 54 tháng, từ ngày 04-02-2008, trong đó thời gian trả nợ: 54 tháng; lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo định lỳ 6 tháng/lần; lãi suất

tại thời điểm cho vay đầu tiên là 12,6%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; cam kết về trả nợ gốc trong vòng 05 năm.

Hợp đồng tín dụng được sửa đổi bổ sung 4 lần về lãi suất.

- Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ nhất số: 03/2008/BBSĐ ngày 05-3-2008. Lãi suất trong hạn 1,40%/tháng.

- Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ hai ngày 03-6-2008. Lãi suất trong hạn 18%/năm.

- Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ ba ngày 20-6-2008. Lãi suất thả nổi theo thông báo của Giám đốc Ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong hạn 21%/năm.

- Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ tư ngày 01-8-2008. Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi 03 tháng điều chỉnh một lần theo thông báo của Giám đốc Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Thực hiện theo hợp đồng tín dụng Ngân hàng B, chi nhánh Nam Nam Định đã giải ngân tổng số tiền là: 4.100.000.000 đồng, trong đó: ngày 04-02-2008 giải ngân số tiền 2.000.000.000 đồng; ngày 05-03-2008 giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 03-06-2008 giải ngân số tiền 1.100.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay trên Công ty TNHH Lđã thế chấp các tài sản bảo đảm gồm:

- Tài sản hình thành từ vốn vay: Tàu Hùng Thái 09 (Long Thành 09) theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2008/HĐ ngày 01-02-2008 được ký kết giữa Công ty TNHH L và Ngân hàng B, chi nhánh Nam Định, giá trị tài sản bảo đảm 6.100.000.000 đồng (sáu tỷ một trăm triệu đồng).

- Tài sản là quyền sử dụng đất số 315, tờ bản đồ số 27, diện tích 110 m^2, và tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng diện tích 70 m^2, xây dựng năm 2002, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông là Trần Văn T và vợ là Nguyễn Thị X theo Hợp đồng thế chấp ngày 01-02-2008, giá trị tài sản bảo đảm là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Hợp đồng thế chấp số 01 được sửa đổi bổ sung một lần ngày 03-12-2009, nội dung sửa đổi về giá trị tài sản thế chấp là 118.000.000 đồng.

Hợp đồng thế chấp tàu Hùng Thái 09 (Long Thành 09) được công chứng theo đúng quy định, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định ngày 04-02-2008.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH L đã trả cho Ngân hàng B, chi nhánh Nam Định số tiền nợ gốc là 425.000.000 đồng, tiền lãi là 475.266.667 đồng, sau đó do tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn Công ty TNHH L không thu xếp để trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng, hiện tại Công ty cũng đã ngừng hoạt động từ năm 2008. Quá trình đôn đốc nợ của Ngân hàng B chi nhánh Nam Định ông được biết năm 2010 Ngân hàng B, chi nhánh Nam Định đã bán đấu giá tài sản bảo đảm là tàu Hùng Thái 09 (Long Thành 09) được số tiền 1.630.005.818 đồng để đối

trừ vào khoản nợ gốc Công ty TNHH L còn nợ. Việc Ngân hàng B, chi nhánh Nam Định bán đấu giá tài sản bảo đảm là tàu Hùng Thái 09 (Long Thành 09), tại thời điểm bán đấu giá con tàu ông không được biết, vì vậy theo ông Ngân hàng B, chi nhánh Nam Định bán đấu giá tàu Hùng Thái 09 được số tiền 1.630.005.818 đồng, là thấp so với giá trị con tàu.

Quan điểm của ông về yêu cầu khởi kiện của B như sau:

- Về khoản nợ: Ông xác nhận Công ty TNHH L còn nợ Ngân hàng B, chi nhánh Nam Định số tiền gốc là: 2.044.994.182 đồng. Về tiền lãi ông đề nghị B miễn toàn bộ lãi cho Công ty vì hiện tại Công ty đã ngừng hoạt động.

- Về tài sản bảo đảm: Đối với tài sản bảo đảm là tàu Hùng Thái 09 (Long Thành 09), Ngân hàng B chi nhánh Nam Định đã bán đấu giá trừ vào khoản nợ gốc, ông không có yêu cầu phản tố cũng như không có yêu cầu gì về việc bán con tàu này. Đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 315, tờ bản đồ số 27, diện tích 110 m^2, và tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng tổng diện tích 70 m^2, xây dựng năm 2002, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông là Trần Văn T và vợ là Nguyễn Thị X. Hiện tại ông và bà Xoan vẫn đang quản lý sử dụng, từ khi thế chấp đến nay ông không sửa chữa, cải tạo xây dựng thêm bất kỳ công trình gì. Về giá trị tài sản bảo đảm, quá trình giải quyết vụ án giữa ông và B, chi nhánh Nam Định đã xem xét xác định giá trị để giải chấp tài sản bảo đảm tuy nhiên hai bên không thống nhất được, vì vậy ông đề nghị Ngân hàng B khi tiến hành giải chấp xem xét tạo điều kiện cho ông khi phát mại tài sản được tiếp tục sử dụng.

Đối với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18-8-2023 ông nhất trí không có ý kiến gì.

3. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị X vắng mặt, không có lời trình bày, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

4. Ngày 18-8-2023 Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2008/HĐ ngày 01-02-2008 là thửa đất số 315, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại Xóm Liên Phú, thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã được UBND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 897875 ngày 30-10-2007 mang tên ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị X. Tài sản thế chấp còn nguyên vẹn như khi bắt đầu thế chấp cho Ngân hàng B chi nhánh Nam Định, không có đầu tư, xây dựng thêm.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng

nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH L phải trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng B tính đến ngày 21-9-2023: Nợ gốc là 2.044.994.182 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.778.298.045 đồng, lãi quá hạn là 1.313.641.569 đồng. Tổng cộng là 7.136.933.796 đồng và tiếp tục chịu lãi theo Hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp khi bản án có hiệu lực, Công ty TNHH L không trả hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng B được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị X để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không thu hồi đủ nợ thì Công ty TNHH L có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng B cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí Kinh doanh thương mại: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý ngày 23-6-2023 thì nguyên đơn là Ngân hàng B yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Do vậy tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Tại Điều 14 của Hợp đồng tín dụng số: 01/08/HĐ ngày 01-02-2008 giữa B và Công ty TNHH L có thỏa thuận nếu xảy ra tranh chấp hai bên thống nhất đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.3. Về sự có mặt của người tham gia tố tụng:

Bà Nguyễn Thị X là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tranh chấp hợp đồng tín dụng:

2.1. Về việc giao kết hợp đồng tín dụng:

Ngày 01-02-2008 Ngân hàng B tỉnh Nam Định và Công ty TNHH L ký Hợp đồng tín dụng số 01/08/HĐ và các biên bản sửa đổi kèm theo. Hợp đồng tín dụng có các nội dung cụ thể về hạn mức tín dụng, mục đích vay vốn, thời hạn vay, lãi suất, quyền và nghĩa vụ của các bên... Hợp đồng được lập thành văn bản, do người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng B tỉnh Nam Định và người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH L ký tên, đóng dấu. Xét thấy về hình thức và nội dung của hợp đồng đều đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, căn cứ Điều 388, Điều 389, Điều 401, Điều 402, Điều 405, Điều 408, Điều 471, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì Hợp đồng tín dụng số 01/08/HĐ ngày 01-02-2008 là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện.

2.2. Về việc thực hiện hợp đồng tín dụng:

Sau khi ký hợp đồng tín dụng số 01/08/HĐ ngày 01-02-2008, Ngân hàng B chi nhánh Nam Định đã giải ngân cho Công ty TNHH L vào các ngày 04-02-2008, ngày 05-03-2008, ngày 03-6-2023 số tiền tổng cộng là 4.100.000.000 đồng. Các lần giải ngân của Ngân hàng B cho Công ty TNHH L đều phục vụ cho mục đích mua tàu biển Hùng Thái 09 (Long Thành 09), có đủ giấy tờ, tài liệu chứng minh cho việc giải ngân. Thời hạn của các khoản vay được xác định theo giấy nhận nợ, thời hạn vay 54 tháng.

Sau khi được giải ngân tiền vay, Công ty TNHH L đã trả nợ cho Ngân hàng được số tiền gốc là 425.000.000 đồng, tiền lãi là 475.266.667 đồng. Từ tháng 7-2009, Công ty TNHH L không thực hiện trả nợ, thường xuyên vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và trả lãi. Tháng 5-2010, xác định tàu Hùng Thái 09 (Lng Thành 09) neo đậu tại Vũng Đục – Cẩm Phả - Quảng Ninh, Ngân hàng B chi nhánh Nam Định đã yêu cầu Công ty TNHH L bàn giao tài sản cho Ngân hàng để phát mại thu hồi nợ. Ngày 24-12-2010, Ngân hàng B chi nhánh Nam Định đã phát mại thành công tàu Hùng Thái 09 tại Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Nam Định sau khi trừ các chi phí thu được số tiền là: 1.630.005.818 đồng để trừ vào số nợ gốc của Công ty TNHH L. Tổng cộng Công ty TNHH Lđã trả nợ gốc là: 2.055.005.818 đồng. Ngân hàng B chi nhánh Nam Định đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc Công ty TNHH L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 01/08/HĐ, ngày 01-02-2008. Như vậy Công ty TNHH L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B.

2.3. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B:

Căn cứ nhận định tại mục 2.2 về việc Công ty TNHH L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng số 01/08/HĐ, ngày 01-02-2008, hiện tại các khoản vay của Công ty TNHH L đều đã vượt quá thời hạn trả nợ cuối cùng theo Hợp đồng tín dụng. Vì vậy, căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B, buộc Công ty TNHH L phải trả cho Ngân hàng B số tiền nợ tính đến hết ngày 21-9-2023 là: Nợ gốc 2.044.994.182 đồng, nợ lãi trong hạn 3.778.298.045 đồng, lãi quá hạn 1.313.641.569 đồng. Tổng cộng 7.136.933.796 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 22-9-2023), Công ty TNHH L phải tiếp tục trả lãi theo quy định của hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng B. Cụ thể tại thời điểm ngày 21-9-2023: Số tiền nợ gốc là 2.044.994.182 đồng, lãi suất trong hạn là 10,50%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Căn cứ Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 01/08/HĐ, ngày 01-02-2008 thì lãi suất sẽ được điều chỉnh theo từng thời kỳ, vì vậy trong trường hợp Ngân hàng B có văn bản về việc điều chỉnh lãi suất và việc điều chỉnh lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật thì tiền lãi mà Công ty TNHH L phải trả được áp dụng theo sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng B.

[3] Về tài sản bảo đảm:

3.1. Về các hợp đồng thế chấp:

3.1.1. Về hợp đồng thế chấp số 01/2008/HĐ, ngày 01-02-2008:

Ngày 01-02-2008 Công ty TNHH L và Ngân hàng B chi nhánh Nam Định đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là tàu biển Hùng Thái 09 (Long Thành 09) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2008/HĐ. Xét thấy hợp đồng thế chấp có đầy đủ các điều khoản theo quy định của pháp luật, được công chứng tại Văn Phòng công chứng số 1 tỉnh Nam Định ngày 01-02-2008, số công chứng 104, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, tài sản bảo đảm có đủ điều kiện để thế chấp. Vì vậy, căn cứ Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 342, Điều 343, Điều 344 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2008/HĐ, ngày 01-02-2008 là hợp pháp.

3.1.2. Về hợp đồng thế chấp ngày 01-02-2008:

Ngày 01-02-2008, ông Trần Văn T cùng vợ là bà Nguyễn Thị X và Ngân hàng B chi nhánh Nam Định đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản, sau đó đến ngày 03-12-2009 đã ký biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp về việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 315, tờ bản đồ số 27, diện tích 110 m^2 và toàn bộ tài sản trên đất là nhà bê tông 1 tầng diện tích 70 m^2, kết cấu tường bê tông + gác xép diện tích 20 m^2, tổng diện tích sử dụng 90 m^2 tại địa chỉ: Xóm Liên Phú, thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, theo giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số AK 897875 mang tên ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị X. Giá trị tài sản thế chấp là 120.000.000 đồng. Xét thấy hợp đồng thế chấp có đầy đủ các điều khoản theo quy định của pháp luật, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cát Thành ngày 02-02-2008, tài sản bảo đảm có đủ điều kiện để thế chấp. Vì vậy, căn cứ Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 692, Điều 715 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì hợp đồng thế chấp tài sản ngày 01-02-2008 là hợp pháp. Sau khi ký hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị X đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định vào ngày 04-02-2008. Như vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 01-02-2008 đã có hiệu lực; các tài sản thế chấp theo hợp đồng này đã có đầy đủ điều kiện để bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty TNHH Lvới Ngân hàng B. Căn cứ Điều 1 Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 01-02-2008 thì các tài sản thế chấp sẽ bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH L với dư nợ gốc 4.100.000.000 đồng và tiền lãi, các chi phí phát sinh.

3.2. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Căn cứ nhận định tại các mục 3.1.1 và 3.1.2 xác định các hợp đồng thế chấp đều hợp pháp và có hiệu lực thực hiện; căn cứ Điều 319, Điều 320, Điều 336, Điều 338, Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu về xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng B. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp Công ty TNHH L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xử lý các tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ.

3.2.1. Đối với tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 01/2008/HĐ, ngày 01-02-2008 hình thành từ vốn vay là tàu biển Hùng Thái 09 (Long Thành 09). Ngày 24-12-2010 Ngân hàng B chi nhánh Nam Định đã phát mại thành công tàu Hùng Thái 09 (Long Thành 09) tại Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Nam Định sau khi trừ các chi phí thu được số tiền là 1.630.005.818 đồng để trừ vào số nợ gốc của Công ty TNHH L. Hiện tại Ngân hàng B và Công ty TNHH L đều không có đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc phát mại tàu Hùng Thái 09 (Long Thành 09) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3.2.2. Đối với tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng thửa đất và căn nhàn bên tông trên thửa đất thuộc thửa đất số 315, tờ bản đồ số 27, tại địa chỉ: Xóm Liên Phú, thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, đã được Ủy ban nhân dân huyện Trực Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 897875 ngày 30-10-2007 mang tên ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị X. Căn cứ Điều 7 của Hợp đồng thế chấp ngày 01-02-2008, hai bên có thỏa thuận các trường hợp xử lý tài sản thế chấp trong đó có trường hợp bên được bảo đảm vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng được bảo đảm hoặc đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ. Trong

trường hợp này Công ty TNHH L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng nên đã phát sinh nghĩa vụ thanh toán của bên thế chấp là ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị X, Ngân hàng B chi nhánh Nam Định có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì chi phí tố tụng và án phí trong vụ án sẽ được quyết định cụ thể như sau:

Ngân hàng B đã nộp chi phí xem xét thẩm định 4.700.000 đồng và có yêu cầu Công ty TNHH L phải hoàn trả chi phí này, vì vậy Công ty TNHH L nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.700.000 đồng.

Ngân hàng B được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 57.514.000 đồng Ngân hàng B đã nộp sẽ được trả lại.

Công ty TNHH Lcó nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả. Cụ thể: 112.000.000 đồng + (7.136.933.796 đồng - 4.000.000.000 đồng) x 0,1% = 115.136.933 đồng (đã làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 355, Điều 388, Điều 389, Điều 401, Điều 402, Điều 405, Điều 408, Điều 471, Điều 476, Điều 692, Điều 715 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền nợ tính đến hết ngày 21-9-2023 là: Số tiền nợ gốc 2.044.994.182 đồng (hai tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn một trăm tám mươi hai đồng); tiền lãi trong hạn 3.778.298.045 đồng đồng (ba tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu hai trăm chín mươi tám nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng) và tiền lãi quá hạn 1.313.641.569 đồng (một tỷ ba trăm mười ba triệu sáu trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng). Tổng cộng: 7.136.933.796 đồng (bảy tỷ một trăm ba mươi sáu triệu chín trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 22-9-2023), Công ty trách nhiệm hữu hạn L phải tiếp tục trả lãi theo quy định của hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Cụ thể số tiền nợ gốc và lãi suất tại thời điểm ngày 22-9-2023 cho tất cả các lần nhận nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn L như sau:

- Số tiền nợ gốc: 2.044.994.182 đồng (hai tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn một trăm tám mươi hai đồng).

- Lãi suất trong hạn: 10.50%/năm.

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong trường hợp Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có văn bản về việc điều chỉnh lãi suất và việc điều chỉnh lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật thì tiền lãi mà Công ty trách nhiệm hữu hạn L tiếp tục phải trả sẽ được áp dụng theo sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

2. Xử lý tài sản bảo đảm:

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ là quyền sử dụng thửa đất số 315, tờ bản đồ số 27, diện tích 110 m^2 và toàn bộ tài sản trên đất là nhà bê tông 1 tầng diện tích 70 m^2, kết cấu tường bê tông + gác xép diện tích 20 m^2, tổng diện tích sử dụng 90 m^2 tại địa chỉ: Xóm Liên Phú, thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 897875 ngày 30-10-2007 mang tên ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị X, theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 01-02-2008.

Trường hợp sau khi phát mại các tài sản thế chấp mà số tiền thu được không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì Công ty trách nhiệm hữu hạn L có nghĩa vụ

tiếp tục trả hết số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí thu giữ và xử lý tài sản thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được trả cho bên bảo đảm.

3. Chi phí tố tụng khác:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.700.000 đồng (bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

4. Án phí:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 57.514.000 đồng (năm mươi bảy năm trăm mười bốn nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số 0000179 ngày 23-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Công ty trách nhiệm hữu hạn L phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 115.136.933 đồng (một trăm mười lăm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi ba đồng)

5. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, Công ty trách nhiệm hữu hạn L, ông Trần Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị X có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Trường